TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/DS-ST.
Ngày: 14 - 01 – 2025.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản".

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Trần Thanh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình

Ông Lê Huỳnh Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Đoan Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường V - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T3.

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà T, số E phố L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Số B P, phường C, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thành T – Phó phòng Phụ trách Phòng Tố tụng Xử lý nợ - Trung tâm Xử lý nợ 2 – Khối xử lý và Thu hồi nợ - T4.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Nhất T1 – Chuyên viên chính Phòng Tố tụng Xử lý nợ - Trung tâm Xử lý nợ 2 – Khối xử lý và Thu hồi nợ - T4; Địa chỉ liên hệ: Lầu D, C Hậu Giang, phường B, quận F, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Ông Bùi Văn T2, sinh năm 1988; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố D, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 26-6-2024 của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29-5-2021 ông Bùi Văn T2 có ký Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 180/2021/HDBD/NTG/01 với Ngân hàng thương mại cổ phần T3 *(Viết tắt là Ngân hàng)* vay số tiền 281.000.000 đồng *(bằng chữ: Hai trăm tám mươi mốt triệu đồng)*, mục đích vay mua ô tô; thời hạn vay 60 tháng, từ ngày 01/6/2021 đến ngày 31/5/2026. Lãi suất cho vay như sau: Lãi suất áp dụng kể từ ngày 31/5/2021 cho đến ngày 31/5/2022 là 8,5%/năm. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 31/5/2026 được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần và bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng của T4 tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,5%/năm. Kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần. Phương thức cho vay từng lần; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: ngày 31/5/2026; Kỳ hạn trả nợ lãi: 01 tháng /lần vào ngày 25; Kỳ hạn trả gốc: trả nợ nhiều lần.

Ngày 19-6-2023, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Bùi Văn T2 số tiền 6.662.500 đồng *(bằng chữ: sáu triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng),* mục đích để thanh toán phí bảo hiểm vật chất xe, thời hạn 06 tháng.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ông Bùi Văn T2 đã thế chấp xe ô tô hiệu Mitsubishi, biển số 85A-073.13 số máy: 3A92UKK0311; số khung: MMBSNA13ANH003937 đứng tên chủ sở hữu Bùi Văn T2.

Tính đến ngày 26-6-2023, ông T2 đã trả cho Ngân hàng số tiền 166.221.758 đồng (Trong đó: số tiền gốc đã trả là 117.083.325 đồng, số tiền lãi đã trả là 49.138.433 đồng). Từ ngày 26-6-2023 đến nay, ông T2 không trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết nên từ ngày 25/9/2023 Ngân hàng đã chuyển nợ của ông T2 sang quá hạn.

Ngân hàng khởi kiện ông T2 tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – T đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc ông T2 phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 14-01-2025 là 217.101.980 đồng (trong đó: nợ gốc: 170.579.175 đồng, nợ lãi trong hạn: 6.070.076 đồng, nợ lãi quá hạn: 40.452.729 đồng). Buộc ông T2 phải tiếp tục trả nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 15/01/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông Bùi Văn T2 không thực hiện, thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản

bảo đảm là Xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại: ATTRAGE GLX; màu trắng, số khung MMBSNA13ANH003937; Số máy 3A92UKK0311; Biển số: 85A-073.13 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 85 001281 do Phòng C – Công an tỉnh N cấp ngày 28/5/2021 cho chủ sở hữu Bùi Văn T2 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị đơn ông Bùi Văn T2 vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T3. Buộc ông T2 phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 14-01-2025 là 217.101.980 đồng (trong đó: nợ gốc: 170.579.175 đồng, nợ lãi trong hạn: 6.070.076 đồng, nợ lãi quá hạn: 40.452.729 đồng). Buộc ông T2 phải tiếp tục trả nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 15/01/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông Bùi Văn T2 không thực hiện, thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là Xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại: ATTRAGE GLX; màu trắng, số khung MMBSNA13ANH003937; Số máy 3A92UKK0311; Biển số: 85A-073.13 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 85 001281 do Phòng C – Công an tỉnh N cấp ngày 28/5/2021 cho chủ sở hữu Bùi Văn T2 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản". Bị đơn ông Bùi Văn T2 có nơi cư trú cuối cùng tại khu phố

D, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] *Về sự vắng mặt của bị đơn*: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Bùi Văn T2 nhưng ông T2 không tham gia tố tụng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông Bùi Văn T2 trả số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng:

[2.1] Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 180/2021/HDBD/NTG/01 ngày 29-5-2021 được ký kết giữa Ngân hàng và ông Bùi Văn T2 trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận. Các bên tham gia trong giao dịch dân sự có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết. Trong quá trình vay, ông T2 chỉ trả được số tiền 166.221.758 đồng (Trong đó: số tiền gốc đã trả là 117.083.325 đồng, số tiền lãi đã trả là 49.138.433 đồng) sau đó ông T2 không trả bất cứ khoản nào cho Ngân hàng. Do đó, ông T2 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, đã vi phạm Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Tính đến ngày 14-01-2025, ông T2 còn nợ Ngân hàng số tiền 217.101.980 đồng (trong đó: nợ gốc: 170.579.175 đồng, nợ lãi trong hạn: 6.070.076 đồng, nợ lãi quá hạn: 40.452.729 đồng).

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T2 nhưng ông T2 không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, cũng không phản đối chứng cứ do Ngân hàng cung cấp (khoản 2 điều 92 của BLTTDS). Ông T2 đã từ bỏ quyền chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[2.3] Do ông T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T2 phải trả số tiền tính đến ngày 14-01-2025, tổng cộng là 217.101.980 đồng (trong đó: nợ gốc: 170.579.175 đồng, nợ lãi trong hạn: 6.070.076 đồng, nợ lãi quá hạn: 40.452.729 đồng); tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 180/2021/HDBD/NTG/01 ngày 29-5-2021, kể từ ngày 15/01/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; các Điều 100, 102, 103 của Luật các tổ chức tín dụng, có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

[3.1] Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông T2 đã thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage GLX, biển số 85A-073.13, số khung MMBSNA13ANH003937, số máy 3A92UKK031. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hà Nội theo Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp đảm bảo ngày 31-5-2021, có hiệu lực đăng ký từ thời điểm 09 giờ 30 phút ngày 31-5-2021 với bên nhận đảm bảo: Ngân hàng TMCP T3 Chi nhánh N, bên đảm bảo: Bùi Văn T2 là phù hợp với quy định tại các Điều 298, 299, 303, 317, 319, 320 của Bộ luật Dân sự.

[3.2] Do đó, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc: trong trường hợp ông Bùi Văn T2 không thực hiện, thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là Xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại: ATTRAGE GLX; màu trắng, số khung MMBSNA13ANH003937; Số máy 3A92UKK0311; Biển số: 85A-073.13 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 85 001281 do Phòng C – Công an tỉnh N cấp ngày 28/5/2021 cho chủ sở hữu Bùi Văn T2 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[3.3] Trường hợp bị đơn thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 85 001281 do Phòng C – Công an tỉnh N cấp ngày 28/5/2021 cho chủ sở hữu Bùi Văn T2.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về lệ phí Tòa án: Căn cứ Điều 180 của BLTTDS, Ngân hàng phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và đã nộp đủ.

[6] Về án phí: Ông Bùi Văn T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 217.101.980 đồng x 5% = 10.855.000 đồng (đã làm tròn). Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 298, 299, 303, 317, 319, 320, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Các Điều 100, 102, 103 của Luật Các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T3 đối với bị đơn ông Bùi Văn T2.

1. Buộc ông Bùi Văn T2 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T3 số tiền tổng cộng là 217.101.980 đồng (trong đó: nợ gốc: 170.579.175 đồng, nợ lãi trong hạn: 6.070.076 đồng, nợ lãi quá hạn: 40.452.729 đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15-01-2025) cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ, ông Bùi Văn T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 180/2021/HDBD/NTG/01 ngày 29-5-2021 đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần T3.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông Bùi Văn T2 không thực hiện, thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần T3 có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là Xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại: ATTRAGE GLX; màu trắng, số khung MMBSNA13ANH003937; Số máy 3A92UKK0311; Biển số: 85A-073.13 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 85 001281 do Phòng C – Công an tỉnh N cấp ngày 28/5/2021 cho chủ sở hữu Bùi Văn T2 để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần T3.

Trường hợp ông Bùi Văn T2 thanh toán xong khoản nợ trên cho Ngân hàng mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng thương mại cổ phần T3 có trách nhiệm trả lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 85 001281 do Phòng C – Công an tỉnh N cấp ngày 28/5/2021 cho ông Bùi Văn T2.

4. Về án phí:

4.1 Ông Bùi Văn T2 phải chịu 10.855.000 *(bằng chữ: mười triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.2 Ngân hàng thương mại cổ phần T3 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T3 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.695.000 (bằng chữ: bốn triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai

thu tạm ứng án phí Tòa án số 0002888 ngày 04 -7-2024 của Chi cục thi hành dân sự thành phố P – T, tỉnh Ninh Thuận.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- Chi cục THADS Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Trần Thanh Thư